

# TỔNG QUAN MỘT SỐ VẤN ĐỀ KINH TẾ TRONG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CÔNG TẠI VIỆT NAM

*PGS.TS. Phạm Văn Hùng  
Trường Đại học Kinh tế Quốc dân*

*Sửa đổi luật Đầu tư công là một trong những hoạt động tiếp tục cải thiện công tác quản lý hoạt động đầu tư công. Đầu tư công là hoạt động đầu tư của nhà nước nhằm tạo mới, cải tạo hoặc mở rộng năng lực sản xuất, năng lực phục vụ của khu vực công, trực tiếp cung cấp các dịch vụ và hàng hóa công cộng đáp ứng yêu cầu phát triển của nền kinh tế và của xã hội. Quản lý đầu tư công phải theo xu hướng chung của thế giới, tiếp cận với chuẩn mức thế giới, đảm bảo yêu cầu minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình. Các tiêu chí về hiệu quả cần phải được chuẩn hóa, hiện thực hóa và luật hóa đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, nâng cao chất lượng hàng hóa và dịch vụ công.*

*Từ khóa: Đầu tư công, luật Đầu tư công, hiệu quả đầu tư*

## **1, Đầu tư công và các nguyên tắc quản lý đầu tư công:**

**1.1, Khái niệm:** Đầu tư công (public investment) là hoạt động đầu tư của nhà nước. Nhà nước bao gồm cả Chính phủ Trung ương hoặc chính quyền địa phương.

Có nhiều quan điểm khác nhau về đầu tư công, theo Luật Đầu tư công (2014):” Đầu tư công là hoạt động đầu tư của nhà nước vào các chương trình, dự án xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và đầu tư vào các chương trình, dự án phục vụ phát triển kinh tế xã hội”. Dự án đầu tư công là dự án đầu tư sử dụng toàn bộ hoặc một phần vốn đầu tư công. Trong đó, vốn đầu tư công gồm vốn ngân sách nhà nước, vốn từ nguồn thu hợp pháp của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư theo quy định của pháp luật.

Theo quan điểm của JICA (Japan International Cooperation Agency), đầu tư công là đầu tư của chính phủ vào vào hạ tầng công cộng (public infrastructure) bao gồm hạ tầng kinh tế như sân bay, đường bộ, đường sắt, cảng biển, cung ứng nước, điện, ga, bưu chính viễn thông... và hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện, nhà văn hóa.... Khi kết thúc đầu tư, kết quả của đầu tư công sẽ là các tài sản công và nó sẽ cung cấp dịch vụ công hoặc hàng hóa công [3].

Tại các nước thuộc khối OECD, đầu tư công chiếm khoảng 3% GDP, khoảng 15% tổng vốn đầu tư toàn xã hội, 60% đầu tư công của các quốc gia thuộc OECD là vào lĩnh vực giáo dục và giao thông. Trong khoảng 10 năm trở lại đây thì đầu tư công giảm khoảng 1,3%/năm, 57% đầu tư công được thực hiện ở địa phương [7].

Tại Việt nam, Đầu tư công năm 2018 đạt 619,1 ngàn tỷ đồng chiếm 11,18% GDP và 33,3 tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Đầu tư công của Việt nam trải rộng trong nhiều lĩnh vực khác nhau: giao thông, xây dựng, giáo dục, y tế, văn hóa... Trong 10 năm trở lại đây quy mô đầu tư công về cơ bản có xu hướng giảm, 81,7% đầu tư công do địa phương quản lý [9].

Đầu tư công có thể xem xét dưới 2 góc độ: ***kinh tế và chính trị***. Đứng ở góc độ kinh tế, đầu tư công nói chung được xem là rất cần thiết trong việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ công (public goods) mà khu vực tư nhân không hoặc không thể cung cấp hoặc chỉ một nhà cung cấp có thể đầu tư một cách hiệu quả do độc quyền tự nhiên (monopolies).

Dưới góc độ chính trị, đầu tư công được xem là một công cụ cần thiết để đạt được một số mục tiêu về chính trị, bao gồm an ninh quốc gia, bảo vệ quyền sở hữu, duy trì hiệu lực pháp luật, phát triển kinh tế quốc gia, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường, phân phối bình đẳng hơn...

Từ thế kỷ XIX, các nhà kinh tế học đã cho rằng đầu tư công đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa tại các quốc gia. Đầu tư công lúc đó không chỉ là một nguồn lực quan trọng cho phát triển kinh tế mà còn là nguồn lực để bảo vệ độc lập quốc gia, thống nhất quốc gia và thực hiện các mục tiêu chung.

Trong nửa đầu của thế kỷ XX, vị trí của đầu tư công tại châu Âu và Hoa Kỳ được mở rộng bởi các chương trình quân sự phục vụ cho 2 cuộc chiến tranh thế giới và thực thi các chương trình phúc lợi trong những năm 1930 để khắc phục hậu quả là cuộc Đại suy thoái. Đối với các chương trình phúc lợi xã hội được biện minh bởi nhà kinh tế học nổi tiếng John Maynard Keynes với lập luận rằng trong bối cảnh hậu quả của suy thoái kinh tế thì tiền lương, lãi suất, giá cả không tự đồng thời điều chỉnh đến mức toàn dụng nhân công. Nhu cầu hiệu quả trong nền kinh tế gia tăng từ đầu tư và tiêu dùng có thể không đủ để đạt được mức sản lượng hiệu quả để tạo công ăn việc làm cho mọi người. Keynes cho rằng, chính phủ có thể đi vay để tài trợ cho đầu tư công, từ đó có thể tác động tích cực đến đầu tư tư nhân, tổng cầu và sự tin tưởng của công chúng và cộng đồng doanh nghiệp.

Sự đồng thuận dân chủ xã hội theo trường phái Keynes về vai trò của đầu tư công trong giai đoạn phục hồi sau chiến tranh với mong muốn cải thiện phúc lợi xã hội được coi là phổ biến tại nhiều quốc gia công nghiệp từ 1945 đến 1970. Cũng trong giai đoạn này, đầu tư công cũng đóng vai trò quan trọng tại các quốc gia công nghiệp hóa và đang phát triển tại khu vực Đông Á.

Từ giữa thập kỷ 70 của thế kỷ XX, sự trùng hợp giữa suy giảm kinh tế và sự gia tăng lạm phát, tỷ lệ thất nghiệp làm nổi lên cuộc đấu tranh về tư tưởng về nguyên tắc và thực tiễn hoạt động đầu tư công tại Hoa Kỳ và châu Âu xuất hiện quan điểm giảm vai trò của các dự án đầu tư công mang tính chất chính trị. Thừa nhận lợi ích của kinh tế thị trường, có quan điểm cho rằng đầu tư công đã lấn át đầu tư của khu vực tư nhân, tạo ra sự phân bổ nguồn lực không hiệu quả. Đầu tư công còn được xem là yếu tố làm sứt mòn lựa chọn của doanh nghiệp và của người tiêu dùng và tạo nên văn hóa phụ thuộc “dependency culture” giữa các cộng đồng, các khu vực của nền kinh tế.

Với mục tiêu thúc đẩy việc tư nhân hóa các tài sản công, xu hướng phản đối đầu tư công hy vọng sẽ đạt được một số các mục tiêu chính sách như sau: thứ nhất, đầu tư công nên thiên hơn về khía cạnh kinh tế và điều tiết bởi yếu tố thị trường – gắn với yêu cầu minh bạch hóa và công khai hóa. Thứ hai, việc phân bổ vốn đầu tư công sẽ hiệu quả hơn nếu có sự tham gia của khu vực tư nhân, tạo ra sự lựa chọn lớn hơn của công chúng với tư cách là người sử dụng dịch vụ công. Thứ ba, nâng cao chất lượng công tác giám sát của công chúng đối với hoạt động đầu tư công.

Vào những năm 1990, một phát kiến mới trong sử dụng nguồn lực của tư nhân trong cung cấp hàng hóa và dịch vụ công cộng xuất hiện với tên gọi là Đối tác công tư (PPP – Public Private Partnerships) với mục tiêu tăng cường tính hiệu quả, công bằng, tận dụng kỹ năng của khu vực tư nhân trong quản lý các dự án lớn, phục vụ cộng đồng.

### ***1.2, Các nguyên tắc quản lý đầu tư công:***

Do đầu tư công là hoạt động đầu tư của nhà nước, sử dụng nguồn lực chủ yếu của nhà nước, của cộng đồng, kết quả đầu tư nhằm đáp ứng mục tiêu phát triển chung nền kinh tế, xã hội, phục vụ cho lợi ích của cộng đồng. Vì vậy trong quản lý hoạt động đầu tư công phải tuân thủ những nguyên tắc cơ bản như sau:

Thứ nhất, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật.

Thứ hai, đảm bảo tính minh khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động đầu tư công. Đầu tư công nhằm cung cấp dịch vụ công đáp ứng yêu cầu của cộng đồng. Vì vậy, công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình sẽ đảm bảo sự giám sát của cộng đồng đối với hoạt động đầu tư công.

Thứ ba, phân bổ và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực. Đảm bảo khả năng cân đối các nguồn lực. Các dự án đầu tư công phải đảm bảo hiệu quả kinh tế - xã hội.

## **2, Quản lý hoạt động đầu tư công trên thế giới và tại Việt nam:**

### ***2.1, Quá trình hoàn thiện công tác quản lý đầu tư công trên thế giới:***

Trên thế giới, từ trước những năm 1970, quản lý đầu tư công (PIM- Public Investment Management) theo phương thức truyền thống chủ yếu tập trung vào cải thiện từng dự án đầu tư công. Chính phủ các quốc gia xây dựng kế hoạch phát triển quốc gia, kế hoạch này được thực hiện theo các dự án, còn các đối tác phát triển (development partners) sẽ tài trợ cho phần thiếu hụt nguồn lực.

Với cách tiếp cận truyền thống này, quản lý đầu tư công có một số hạn chế sau:

- + Không tương thích giữa nhu cầu vốn và khả năng tài chính cho dự án
- + Dự toán ngân sách kép, tức là dự toán ngân sách dự án có thể bị tách biệt với dự toán tài chính tổng thể
- + Ưu tiên cho các dự án không hiệu quả
- + Lập kế hoạch, giám sát dự án không phù hợp

Đến năm 1980, Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra khái niệm chương trình đầu tư công (PIP – Public Investment Programs). Chương trình đầu tư công được kỳ vọng là tạo ra các dự án được chuẩn bị tốt và thiết lập mối quan hệ giữa các dự án đầu tư công và kế hoạch phát triển. Tại nhiều quốc gia, chương trình đầu tư công trở lên thiếu hiệu quả với tiêu chí ưu tiên không rõ ràng và trở thành công cụ để tìm kiếm tài trợ từ các đối tác phát triển. Đến những năm 1990, hiệu quả của các PIP được đưa ra cân nhắc lại.

Qua thực tế, các đối tác phát triển nhận thấy rằng chương trình đầu tư công cần được củng cố để đạt được 3 mục tiêu:

- + Đáp ứng yêu cầu kỷ luật tài khóa tổng thể
- + Phân bổ nguồn lực chiến lược
- + Cung cấp các dịch vụ công hiệu quả

Thực hiện việc cải cách này thì hệ thống dự toán ngân sách kép bị phê phán như là một rào cản chính đối với việc đạt được các mục tiêu trên. Tuy nhiên, chuyển

từ hệ thống dự toán ngân sách kép sang dự toán ngân sách tích hợp là một thách thức lớn đối với nhiều chính phủ. Một số quốc gia vẫn dùng hệ thống dự toán ngân sách kép. Từ những năm 1990, một số quốc gia bắt đầu áp dụng Khung Chi tiêu Trung Hạn (MTEF – Medium Term Expenditure FrameWork) với việc đưa khái niệm trung hạn vào dự toán ngân sách.

Trong nửa cuối thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, PIM trở thành chương trình cốt lõi cho cải cách Quản lý Tài chính Công (PFM- Public Financial Management) đáp ứng nhu cầu lớn về đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và đạt mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030. Ngân hàng Thế giới đã phát hành ấn phẩm Khung khổ Chuẩn đoán cho Quản lý Đầu tư công (DF-PIM) vào năm 2010. Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) giới thiệu về Đánh giá Quản Lý Đầu tư công (PIMA – Public Investment Management Assessment) vào năm 2015. IMF cũng đã tiến hành đánh giá theo PIMA tại nhiều quốc gia và phiên bản cập nhật của PIMA là vào năm 2018.

Cho đến nay, việc cải thiện quản lý đầu tư công (PIM), trong đó có việc hoàn thiện Luật Đầu tư công tại Việt Nam, là nhằm:

Thứ nhất, đón góp vào việc đạt được tầm nhìn phát triển dài hạn và các mục tiêu của kế hoạch phát triển. Với việc cải thiện quản lý đầu tư công, các dự án đầu tư công sẽ được lựa chọn dựa trên sự ưu tiên trong chiến lược và kế hoạch phát triển của quốc gia, của ngành và của vùng trong phạm vi nguồn lực cho phép và thực thi với chu trình quản lý lập kế hoạch – thực hiện – kiểm tra – hành động (PDCA – Plan Do Check Act). Từ đó có thể đóng góp cho việc đạt được mục tiêu và tầm nhìn.

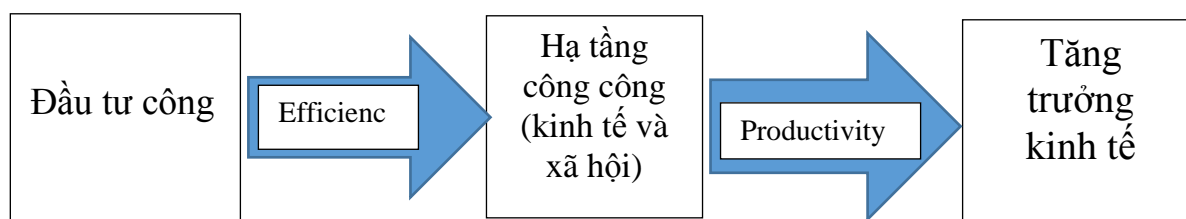
Thứ hai, đạt được các mục tiêu quản lý tài chính công.

**Bảng 2.1. Đóng góp vào mục tiêu PFM thông qua cải thiện PIM**

<b>Các mục tiêu của PFM</b>	<b>Đóng góp thông qua cải thiện quản lý đầu tư công PIM</b>
Kỷ luật tài khóa tổng thể	Tài khóa bền vững và nhất quán với tổng đầu tư công trong dài hạn
Phân bổ nguồn lực chiến lược	Việc lựa chọn dự án phải tương thích với kế hoạch phát triển của quốc gia, của ngành, của địa phương, và phân bổ nguồn lực được dịch chuyển đến nơi hiệu quả hơn.
Cung cấp hiệu quả các dịch vụ công	Kết quả đầu tư tạo ra năng lực sản xuất và phục vụ đáp ứng các tiêu chí hiệu quả

Nguồn: JICA

Thứ ba, cải thiện hoạt động đầu tư công.



**Hình 2.1. Đầu tư công hiệu quả, năng suất và hoạt động đầu tư công**

*Nguồn: IMF (2015)*

Hoàn thiện quản lý đối với từng dự án đầu tư sẽ cải thiện chất lượng và hiệu quả của dự án, đạt được kết quả và tác động theo hướng hiệu lực và hiệu quả. Các dự án đầu tư công được quản lý hiệu quả hơn sẽ cải thiện việc phân bổ nguồn lực giữa các ngành, các lĩnh vực và đạt được các mục tiêu phát triển. Tóm lại, cải thiện quản lý đầu tư công sẽ tăng hiệu quả đầu tư, góp phần gia tăng năng suất và đạt được tăng trưởng kinh tế.

## **2.2, Quản lý hoạt động đầu tư công tại Việt nam:**

Trước khi có luật đầu tư công, quản lý hoạt động đầu tư công tại Việt nam vẫn thực hiện theo phương thức truyền thống. Tình trạng đầu tư dàn trải, manh mún, hiệu quả thấp với cơ chế phối hợp giữa cơ quan lập kế hoạch với cơ quan tài chính thiếu chặt chẽ. Thời gian thực hiện đầu tư kéo dài, tình trạng thất thoát và lãng phí trong đầu tư công không còn là cá biệt. Năm 2012, Thủ tướng ra chỉ chỉ 1792, với những chấn chỉnh ban đầu về hoạt động đầu tư công và là tiền đề cho sự ra đời của Luật Đầu tư công (2014). Sau khi Luật Đầu tư công có hiệu lực (2015), hoạt động đầu tư công đã có những chuyển biến tích cực. Kỷ luật tài chính được tăng cường, kế hoạch đầu tư công trung hạn được luật hóa, “căn bệnh” đầu tư tràn lan đã được ngăn chặn, từng bước nâng cao hiệu quả đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước (NSNN). Hiệu quả đầu tư chung của nền kinh tế cũng có chuyển biến tích cực. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê (2018), hệ số ICOR của Việt Nam 3 năm sau khi áp dụng luật Đầu tư công đã có sự cải thiện giảm từ mức 6,42 năm 2016 xuống 6,11 năm 2017 và còn 5,97 năm 2019. Bình quân giai đoạn 2011-2015 là 6,25 thì giai đoạn 2016-2018 chỉ còn 6,17[9].

Tuy nhiên, sau hơn 4 năm thực hiện, một số vấn đề tồn tại và phát sinh cần tiếp tục giải quyết trong đó đặc biệt là vấn đề chậm giải ngân vốn đầu tư công. NSNN có tiền nhưng không tiêu được trong khi nhiều công trình trọng điểm lại phải chờ vốn. Số liệu của Bộ Kế hoạch và Đầu tư cập nhật đến tháng 1-2019 cho thấy,

trong số 66 trong tổng số 126 cơ quan đã gửi báo cáo về tình hình giải ngân đầu tư công năm 2018, chỉ có chín cơ quan đạt tỷ lệ giải ngân trên 90% kế hoạch năm. Rất nhiều cơ quan giải ngân chưa đạt 50% kế hoạch, cá biệt, có địa phương cả năm qua không giải ngân được đồng nào[6]. Qua số liệu về tình hình giải ngân nguồn ngân sách T.W cho thấy, tỷ lệ giải ngân kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2016-2018 đạt rất thấp. Từ năm 2016 đến ngày 31-10-2018, giải ngân mới đạt 368 nghìn tỷ đồng, chỉ đạt 72% kế hoạch đã giao. Năm 2017, kế hoạch vốn đầu tư ngân sách T.U là 175 nghìn tỷ đồng, giải ngân đạt 135 nghìn tỷ đồng, bằng 77,1% kế hoạch. Riêng năm 2018, kế hoạch 176 nghìn tỷ đồng, đến ngày 31-10 giải ngân mới đạt 88 nghìn tỷ đồng, bằng 50% kế hoạch. Tình trạng đội vốn vẫn diễn ra tương đối phổ biến nhất là các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước [8].

### **3, Gợi mở một số vấn đề trong sửa đổi Luật Đầu tư công:**

#### ***3.1, Các vấn đề kinh tế trong quản lý đầu tư công:***

Có 3 vấn đề lớn trong hoạt động đầu tư công cần phải được giải quyết đứng ở góc độ quản lý mà khi sửa đổi luật đầu tư công cần phải cân nhắc:

+ Lựa chọn đầu tư công để thúc đẩy đầu tư tư nhân, cải thiện các dịch vụ công cộng, nâng cao chất lượng cuộc sống. (Trả lời cho câu hỏi đầu tư vào cái gì ? ). Do bản chất của đầu tư công ngoài tính chất kinh tế, còn có yếu tố chính trị và sự linh hoạt trong từng thời kỳ. Quốc Hội chỉ quyết định chủ trương các dự án quan trọng quốc gia và các chương trình mục tiêu. Quốc hội xem xét và phê duyệt kế hoạch đầu tư tổng thể với mục tiêu và các tiêu chí xác định. Còn việc lựa chọn các dự án cụ thể khác có thể phân cấp cho Chính phủ, các bộ, ngành, địa phương. Kế hoạch đầu tư công trung hạn có thể có danh mục các dự án nhưng không phải tất cả các dự án này đều đảm bảo được lựa chọn.

+ Nâng cao hiệu quả đầu tư công. Tuy nhiên, hiệu quả đầu tư công thiên về khía cạnh kinh tế xã hội nên việc tính toán đúng, đầy đủ cũng là một thách thức.(Trả lời cho câu hỏi đầu tư như thế nào ?). Xây dựng bộ tiêu chí đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư (có thể cho điểm ưu tiên tùy theo mục tiêu cụ thể của quốc gia, ngành, hoặc địa phương trong từng giai đoạn. Các tiêu chí này sẽ là căn cứ để lựa chọn các dự án đáp ứng yêu cầu của kế hoạch phát triển kinh tế xã hội trong mỗi giai đoạn.

+ Hạn chế lãng phí của đầu tư công do phân bổ nguồn lực không hiệu quả từ đó làm giảm lòng tin và hạn chế các cơ hội tăng trưởng. (Trả lời cho câu hỏi đầu tư cho ai ?). Việc lựa chọn dự án đầu tư và phân bổ vốn dựa vào chất lượng dự án và

năng lực thực hiện của chủ đầu tư. Mục tiêu là tạo ra dịch vụ công, hàng hóa công đáp ứng nhu cầu tốt nhất của người dân và toàn bộ cộng đồng xã hội.

### ***3.2, Gợi mở hướng trong hoàn thiện luật Đầu tư công***

+ Theo xu hướng và thông lệ quốc tế: Luật Đầu tư công đã có những bước tiến rất đáng kể đưa công tác quản lý đầu tư tiến theo xu hướng quản lý đầu tư công của quốc tế, cập nhật các công cụ, phương pháp. Luật đầu tư công mà linh hồn là kế hoạch đầu tư công trung hạn thực ra đã được thế giới áp dụng từ những năm 1990. Luật Đầu tư công cần hướng đến cập nhật hơn các công cụ và phương pháp quản lý hiện đại. Cần cập nhật PIMA năm 2018 của IMF.

+ Minh bạch, công khai và trách nhiệm giải trình: Nội dung công khai minh bạch cần rộng hơn đặc biệt là tình hình triển khai thực hiện và hiệu quả kinh tế xã hội của đầu tư. Phương thức công khai minh bạch cần được đổi mới để mọi người dân đều có thể tham gia giám sát hoạt động đầu tư công.

Nội dung công khai minh bạch trong đầu tư công bao gồm: chính sách, pháp luật và việc tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật trong quản lý, sử dụng vốn đầu tư công; nguyên tắc, tiêu chí, căn cứ xác định danh mục dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và kế hoạch đầu tư công hàng năm; quy hoạch, kế hoạch, chương trình đầu tư công, vốn bố trí cho các chương trình theo từng năm, tiến độ thực hiện và giải ngân vốn chương trình đầu tư công; danh mục dự án đầu tư công trên địa bàn bao gồm quy mô, tổng mức đầu tư, thời gian, địa điểm, báo cáo đánh giá tác động tổng thể của dự án đến địa bàn đầu tư; kế hoạch phân bổ vốn đầu tư trung hạn và hàng năm; tình hình huy động các nguồn lực và nguồn vốn khác tham gia thực hiện dự án đầu tư công; tình hình thực hiện đầu tư, kết quả và hiệu quả đầu tư; tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án theo từng nguồn vốn; kết quả nghiệm thu, đánh giá chương trình, dự án.

+ Hiệu quả đầu tư công: xây dựng và chuẩn hóa các chỉ tiêu, tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội hoạt động đầu tư công: dự án đầu tư, chương trình đầu tư và kế hoạch đầu tư công. Nếu có thể, luật hóa một số tiêu chí đánh giá hiệu quả kinh tế xã hội hoạt động đầu tư công. Bởi trên 80% vốn đầu tư từ ngân sách là do địa phương quản lý nên trong luật Đầu tư công cần tạo ra cơ chế tự chủ cho địa phương. Có thể nghiên cứu cơ chế khoán cho địa phương để họ chủ động thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong giới hạn ngân sách (địa phương chủ động hơn nhưng họ cũng sẽ thận trọng hơn). Trung ương chỉ quản lý hiệu quả đầu tư theo các mục tiêu đã xác định.



+ Các định mức, các tiêu chuẩn trong đầu tư và xây dựng phải thực tế. Tháo gỡ những thủ tục rườm rà trong luật Đầu tư công. Cần có giám sát độc lập ở tất cả các khâu. Một số dự án lớn có thể thuê giám sát quốc tế.

### **Tài liệu tham khảo**

- 1, Vũ Đình Ánh, Tài chính – Ngân sách nhà nước năm 2018: một năm nhiều tích cực, Thời báo Tài chính, Tháng 2 năm 2019.
- 2, Hoàng Văn Cường, Gỡ nút thắt trong giải ngân vốn đầu tư công, Báo Nhân dân điện tử ngày 15/4/2019.
- 3, IMF, Public Investment management assessment (MIMA), Fiscal Affairs Department, [www.imf.org/publicinvestment](http://www.imf.org/publicinvestment).
- 4, JICA, Public Investment Management Handbook for Capacity Development, Government Knowledge Management Network.
- 5, OECD, Public Investment, OECD.org
- 6, Tô Hà, Nâng cao hiệu quả đầu tư công, Báo Nhân dân điện tử ngày 28/1/2019.
- 7, Simon Lee, Public Investment, Encyclopaedia Britannica
- 8, Sông Trà, Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư công, Báo Nhân dân điện tử ngày 21/11/2018.
- 9, Tổng Cục Thống Kê, Tổng quan Kinh tế Xã hội năm 2018, [www.gso.gov.vn](http://www.gso.gov.vn)

Ghi chú:

1, Theo Tổng Cục Thống kê, năm 2018 tổng vốn đầu tư toàn xã hội đạt 1856,6 nghìn tỷ đồng, bằng 33,5% GDP. Trong đó, đầu tư từ khu vực nhà nước đạt 619,1 nghìn tỷ đồng chiếm 11,18 % GDP, tương đương 33,3 tổng vốn đầu tư toàn xã hội. Trong đó, đầu tư từ ngân sách nhà nước đạt 324,9 nghìn tỷ đồng chiếm trong đó TW quản lý 59,3 nghìn tỷ đồng, địa phương quản lý chiếm 265,6 nghìn tỷ đồng.

2, Khung PIMA cập nhật (2018)

Giai đoạn Lập kế hoạch:

- 1, Các nguyên tắc và quy tắc tài khóa
- 2, Kế hoạch đầu tư công
- 3, Phối hợp giữa các chủ thể

4, Thẩm định dự án

5, Phân tích đánh giá nguồn lực

Giai đoạn Phân phối nguồn lực:

6, Lập dự toán ngân sách theo năm

7, Lập dự toán tổng thể

8, Cam kết tài trợ

9, Phân bổ ngân sách

10, Lựa chọn dự án

Giai đoạn thực hiện đầu tư

11, Đấu thầu

12, Tài trợ dự án

13, Quản lý danh mục đầu tư

14, Quản lý thực hiện dự án

15, Giám sát các tài sản công